

Số: 95/2020/QĐST-HNGĐ

TS, ngày 01 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:138/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu C 1, xã TN, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: anh **Phùng Văn A**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu C 1, xã TN, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch chính sách xã hội huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Việt Tuấn**- Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch chính sách xã hội huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị T và anh Phùng Văn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị T; anh A có hai con chung cháu Phùng Thị Thu H, sinh ngày 29/8/2008 và Phùng Thị Hoàng L, sinh ngày 15/4/2010. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận anh A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phùng Thị Thu H và Phùng Thị Hoàng L kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công sức: Chị T; anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T; anh A xác nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện TS, tỉnh Phú Thọ 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Khi ly hôn chị T; anh A thỏa thuận trả $\frac{1}{2}$ số nợ và lãi suất theo quy định cụ thể như sau:

Đối với chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc khi đến hạn và lãi định kỳ theo thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội các món vay sau:

1. Số khế ước 6600000710245041.
-Chương trình cho vay hộ nghèo.
-Số tiền vay **21.000.000đ** (hai mươi một triệu đồng); ngày vay 11/5/2017; ngày đến hạn 11/5/2022.
2. Số khế ước 6600000708614261.
-Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
-Số tiền vay **12.000.000đ** (mười hai triệu đồng); ngày vay 06/10/2016; ngày đến hạn 11/10/2021.

Đối với anh Phùng Văn A trả khoản nợ gốc khi đến hạn và lãi định kỳ theo thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội các món vay sau:

1. Số khế ước 6600000712514279.
-Chương trình cho vay hộ nghèo.
-Số tiền vay **25.000.000đ** (hai mươi lăm triệu đồng); ngày vay 11/4/2018; ngày đến hạn 11/4/2023.
2. Số khế ước 6600000705919329.
-Chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.
-Số tiền vay **8.000.000đ** (tám triệu đồng); ngày vay 10/11/2015; ngày đến hạn 11/10/2020.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T và A Phùng Văn A sống tại xã khó khăn có đơn xin miễn án phí nên chị T; A A được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TS;
- Chi cục THA huyện TS;
- UBND xã TN huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Chí